TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2022
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị K; địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

2- Bị đơn: Anh T; địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Hiện đang chấp hành án tại Trại Giam Kênh 7. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Năm 2013 chị K kết hôn với anh T, đăng ký kết hôn ngày 07/02/2014. Trong quá trình chung sống không hợp nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T không lo làm ăn, không quan tâm vợ con. Do đó, vợ chồng ít sống chung với nhau. Hiện nay anh T bị chấp hành án liên quan đến ma túy. Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh T. Anh chị có 02 người con chung là V, sinh ngày 01/8/2014 và V1, sinh ngày

06/5/2018; hiện nay chị K đang nuôi và chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng. Chị K trình bày không có tài sản và nợ chung.

- *Bị đơn là anh T vắng mặt không có lời trình bày tại phiên tòa, nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 07/12/2022, anh T có trình bày:* Anh T đang chấp hành án 03 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Việc kết hôn và con chung đúng như lời chị K trình bày. Anh T thống nhất theo yêu cầu của chị K về việc ly hôn và giao 02 người con cho chị K nuôi. Anh chị không có tài sản và nợ chung. Anh T không yêu cầu gì khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, giao 02 người con cho chị K nuôi; không ai yêu cầu vấn đề gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị K yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị K yêu cầu được ly hôn và yêu cầu nuôi con, không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn và nuôi con"*.

Anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Năm 2014 anh T và chị K đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và không sống chung với nhau nữa.

Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, anh T xin vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn được. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về nội dung vụ án anh chị không có tranh chấp gì, cả hai đều thống nhất ly hôn và thống nhất giao con cho chị K nuôi. Lẽ ra Tòa án chỉ cần ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, nhưng anh T xin vắng mặt trong quá trình Tòa

án giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử phải giải quyết cho anh chị được ly hôn bằng bản án.

[3] Chị K yêu cầu được nuôi 02 người con, anh T đồng ý và V (sinh ngày 01/8/2014) có nguyện vọng sống chung chị K. Xét thấy, anh T đang chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc giao 02 người con cho chị K trực tiếp nuôi.

Anh chị không yêu cầu cấp dưỡng và giải quyết tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh T. Chị K được ly hôn với anh T.

2- Về con chung: Giao V, sinh ngày 01/8/2014 và V1, sinh ngày 06/5/2018 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (hiện tại cả 02 người con đang sống chung chị K). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị K chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0000924 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận